**Các cấp độ tư duy trong kỹ thuật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhóm** | **Động từ** |
|  | **Cấp 1. (Thấp nhất) Kiến thức: Nhớ tài liệu đã đọc, học trước đây** |
| Nhận ra | nhận ra, đặt tên, tạo nhãn, nhắc lại, gạch dưới, nhấn mạnh, làm rõ, lựa chọn, rút ra, đánh dấu, nối mạng xã hội, tìm kiếm, dùng google |
| Liệt kê | liệt kê, ghi nhận, lặp lại, tái tạo, xác định, thuật lại, kể ra, phác thảo, định vị, tìm thấy, gạch đầu dòng, vẽ ra, tổng quan, viết ra, lập bảng |
| Mô tả | định nghĩa, mô tả |
| Làm phù hợp | sắp xếp, làm phù hợp, đặt yêu cầu, liên hệ, nhận dạng, chỉ ra |
|  | **Cấp 2. Hiểu biết: Khả năng nắm bắt ý nghĩa của tài liệu** |
| Định vị và phân loại | sắp xếp, phân loại, nhận dạng, chỉ ra, định vị, phân loại, so sánh, liên kết, tính toán, xác nhận, tương phản, chuyển đổi, bảo vệ, mô tả, thảo luận, phân biệt |
| Giải thích | thảo luận, giải thích, thể hiện, cho ví dụ, báo cáo, tóm tắt, chú giải, chú thích, ghi chú, bình luận, đăng ký, ký tên, ước tính, bày tỏ, cho biết |
| Dịch | báo cáo, chuyển đổi, biên dịch, phiên dịch, xác định lại, dịch, viết lại, tóm tắt |
| Nội suy | nội suy, suy luận |
| Ngoại suy | đưa ra, ngoại suy, khái quát, dự đoán, minh họa, tìm kiếm nâng cao |
|  | **Cấp 3. Áp dụng: Khả năng sử dụng tài liệu đã học trong những tình huống mới và cụ thể** |
| Chuẩn bị | lựa chọn, chuẩn bị, điều độ, phác thảo, phân loại, thu thập, khám phá, hướng dẫn, xây dựng, thiết lập, phân biệt, biên tập, upload, chia sẻ |
| Sử dụng | áp dụng, làm thay đổi, dùng, thao tác, sửa đổi, vận hành, sử dụng, xây dựng, thiết lập |
| Thực hành | chứng minh, thực thi, minh họa, thực hành, trình bày, biểu lộ, sản xuất, thực hiện, ước tính, vận hành, tổ chức, |
| Giải quyết | tính toán, đo lường, giải quyết, điều độ |
|  | **Cấp 4. Phân tích: Khả năng tách ra thành các bộ phận** |
| Phân tích | phân tích, thẩm định, tính toán, kiểm tra, thử nghiệm, đặt câu hỏi, giải cấu trúc, lập bản đồ tư duy, tổ chức, tìm thấy, tạo cấu trúc, tích hợp, liên kết, áp dụng kỹ thuật ngược, làm cho có giá trị, hiệu lực, làm thành những đoạn clip media, tách ra, khảo sát, nêu câu hỏi |
| Phân loại | phân tích, phân loại, lập sơ đồ, phác thảo, tách biệt, chia nhỏ, .. |
| Phân biệt | so sánh, phân biệt, phân biệt đối xử, đối chiếu, chỉ ra, |
|  | **Cấp 5. Đánh giá: Khả năng đánh giá giá trị của tài liệu** |
| Đánh giá | đánh giá, kết luận, dự toán, tiên đoán, định giá, cho điểm, thẩm định, kiểm tra, đặt giả thiết, thử nghiệm, phát hiện, giám sát, thông báo, chủ trì, hợp tác, nối mạng |
| Xác định giá trị | tấn công, chỉ trích, phê bình, xác định giá trị |
| Bảo vệ | tranh luận, bảo vệ, biện minh, hỗ trợ, giải thích |
|  | **Cấp 6. Sáng tạo (cao nhất): Khả năng tạo ra những cái mới, chưa từng có** |
| Lập kế hoạch | thu thập, lập kế hoạch, đề nghị, đề xuất |
| Sắp xếp lại | Sửa đổi, sắp xếp lại, tái tạo lại, tổ chức lại, xem xét lại, viết lại |
| Xây dựng | Sắp xếp, lắp ráp, xây dựng, kết hợp, biên soạn, quản lý, tổng hợp, tổ chức, thiết lập |
| Tạo ra | Tách ra, tạo ra, thiết kế, sáng chế, hình thành khuôn khổ, sinh ra, khám phá, sản xuất, lập trình, quay phim, xuất bản |